

ĐỀ THI HỌC KÌ I – ĐỀ SỐ 4

MÔN: TIẾNG ANH 11 MỚI



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. PRONUNCIATION

Choose the word which is stressed differently from the rest.

- Question 1. A. confident B. important C. together D. exciting
 Question 2. A. curfew B. conflict C. control D. homestay
 Question 3. A. charity B. talented C. dominate D. contribute

Choose the word which is pronounced different from that of the others.

- Question 4. A. childcare B. privacy C. mature D. elegant
 Question 5. A. compassion B. progress C. discussion D. pressure
 Question 6. A. achievement B. apppearance C. enthusiastic D. initiative

II. VOCABULARY AND GRAMMAR

Choose the best answer to complete each unfinished sentence, substitutes the underlined part.

Question 7. The impact of hearingcan cause delays in receiving learning material.

- A. missing B. removal C. loss D. theft

Question 8. Many volunteers have taken part in our programme since the campaign was launched. The underlined word has the **CLOSEST** meaning to _____.

- A. introduced B. broadcast C. produced D. instructed

Question 9.is a group of countries or parties with similar political interests.

- A. Association B. Motto C. Bloc D. Constitution

Question 10. In developing countries, there are many children cognitive impairments.

- A. in B. with C. of D. about

Question 11. is a word or group of words often used in campaigns to attract people's attention.

- A. Involve B. Support C. Charter D. Slogan

Question 12. If you are _____, you are capable of doing or deciding by yourself, rather than depending on other people for help.

- A. well-informed B. determined C. self-reliant D. reliable

Question 13. You need to read newspapers and watch the news to keep _____ on current topics.

- A. reliable B. well-informed C. decisive D. independent

Question 14. He _____ what you have criticized, simply because he was with me at the time.

- A. can't have done B. can't do C. mightn't have done D. won't do

Question 15. Oil _____ if you pour it on water

- A. floated B. float C. will be floated D. floats

Question 16. I have already shopped for food twice this week, so I _____ do it today.

- A. don't need B. don't have to C. ought not D. must not do

Question 17. We _____ English this time last week.

- A. learned B. were learning C. have learned D. had learned

Question 18. My father used to _____ me to the zoo when we _____ in the city.

- A. take - lived B. taking - were living C. took - had lived D. taking - lived

Question 19. Micheal _____ an actor many years ago.

- A. is said to be B. is said to have been C. was said have been D. was said being

Question 20. I can watch TV and play computer games on Sunday because Igo to school that day.

- A. mustn't B. shouldn't C. don't need D. don't have to

Error Identification.

Question 21. When conflicts happen (A), we sit together and discuss (B). We need understanding (C) each other (D) better.

Question 22. Friends advised her to stop (A) doing (B) the housework (C) because (D) her old age.

Question 23. The (A) heavy rain made it it (B) possible (C) for us to (D) have our picnic.

III. READING COMPREHENSION

Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.

Mr. and Mrs. Nelson have two children, Lara 10 and Peter is 16. Mrs. Nelson first discovered that Peter was getting into trouble when school rang her to say that he hadn't turned up that day, or the day before. She realized right away that he had been truanting.

Peter's behaviour was causing conflict in the house and Mr. and Mrs. Nelson were both concerned. They had different views of how they should deal with Peter's behaviour and this led to rows that upset the whole family. They decided to prevent Peter from going out with his friends, but this just made him more stubborn and he would continue to miss school and stay outside his curfew.

Over the coming weeks, family life became more and more difficult. Mr. and Mrs. felt that they could no longer do this on their own and asked the school to help. They arranged for Peter to talk to someone he trusted, and they made an agreement for him gradually attending school again. He was also given some time to catch up with the work he had missed.

As he started to talk it through, Peter realized that he had been unhappy at school for a while. He admitted that he had felt lonely since his best friend moved away and another group had persuaded him to skip school. As he missed more and more school, it became harder to go back.

Peter was encouraged to tell his parents how much he missed his friend and that he to spend time with his dad playing football or fishing. Mr. Nelson thought he had grown out of that a long time ago but was pleased to spend time with Peter again.

Question 33. It was unnecessary for us to work overtime yesterday because we still had a lot of time for our project.

=> We.....

Question 34. Bringing food there was unnecessary because we didn't know that there were lots of foodstalls there.

=> We needn't.....

Question 35. Don't expect that everybody will understand you. It's unreasonable.

=> It's

V. LISTENING

Naomi talks about her daily life in middle school.

Answer the following questions about the interview.

Question 36. What grade is she in?

- A. 5th
- B. 6th

Question 37. What subject does she NOT mention?

- A. History
- B. Computers

Question 38. When does she start school?

- A. Before 9
- B. After 9

Question 39. What does she usually do for lunch?

- A. buy her lunch
- B. bring her lunch

Question 40. What are in roast dinners?

- A. meat and vegetables
- B. pizza and chips

-----**THE END**-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	6. C	11. D	16. B	21. C	26. A	31. disadvantaged	39. B
2. C	7. C	12. C	17. B	22. D	27. C	32. interested	
3. D	8. A	13. B	18. A	23. C	28. B	36. B	40. A
4. A	9. C	14. A	19. B	24. D	29. products	37. B	
5. B	10. B	15. D	20. D	25. B	30. traditional	38. B	

33. We didn't need to work overtime yesterday because we still had a lot of time for our project.

34. We needn't have brought food because there were lots of food stalls there.

35. It's unreasonable to expect that everybody will understand you.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Question 1. A

Kiến thức: Trọng âm của từ có 3 âm tiết

Giải thích:

confident /'kɒnfɪdənt/

important /ɪm'pɔ:tnt/

together /tə'geðə(r)/

exciting /ɪk'saɪtɪŋ/

Câu A trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, còn lại là thứ 2

Đáp án:A

Question 2. C

Kiến thức: Trọng âm của từ có 2 âm tiết

Giải thích:

curfew /'kɜ:fju:/

conflict /'kɒnflɪkt/

control /kən'trəʊl/

homestay /'həʊmsteɪ/

Câu C trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại là thứ nhất

Đáp án:C

Question 3. D

Kiến thức: Trọng âm của từ có 3 âm tiết

Giải thích:

charity /'tʃærəti/

talented /'tæləntɪd/

dominate /'dɒmɪneɪt/

contribute /kən'trɪbjʊ:t/

Câu D trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại là thứ nhất

Đáp án: D

Question 4. A

Kiến thức: Phát âm “-a”

Giải thích:

childcare /'tʃaɪldkeə(r)/

privacy /'prɪvəsi/

mature /mə'tʃʊə(r)/

elegant /'elɪgənt/

Phần gạch chân câu A được phát âm là /eə/ còn lại là /ə/

Đáp án: A

Question 5. B

Kiến thức: Phát âm “-ss”

Giải thích:

compassion /kəm'pæʃn/

progress /'prɒʊgres/

discussion /dɪ'skʌʃn/

pressure /'preʃə(r)/

Phần gạch chân câu B được phát âm là /s/ còn lại là /ʃ/

Đáp án: B

Question 6. C

Kiến thức: Phát âm “-a”

Giải thích:

achievement /ə'tʃi:vmənt/

appearance /ə'piərəns/

enthusiastic /ɪn,θju:zi'æstɪk/

initiative /ɪ'nɪʃətɪv/

Phần gạch chân câu C được phát âm là /æ/ còn lại là /ə/

Đáp án: C

Question 7. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

missing (a): thiếu, khuyết; (n): người mất tích

removal (n): sự dời đi, sự di chuyển

loss (n): sự mất, hao tổn

theft (n): sự trộm cắp

Tạm dịch: Tác động của mất thính lực có thể gây chậm trễ trong việc tiếp nhận tài liệu học tập.

Đáp án:C

Question 8. A

Kiến thức: Từ vựng, từ đồng nghĩa

Giải thích:

launch (v): mở, đưa ra

introduce (v): giới thiệu, đưa ra

broadcast (v): phát thanh, truyền bá

produce (v): xuất trình; sản xuất

instruct (v): chỉ dẫn

=> launch = introduce

Tạm dịch: Nhiều tình nguyện viên đã tham gia chương trình của chúng tôi kể từ khi chiến dịch được khởi động.

Đáp án:A

Question 9. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Association (n): sự kết hợp, sự liên kết

Motto (n): phương châm; khẩu hiệu

Bloc (n): khối (VD: khối Đông Âu, Tây Âu,..)

Constitution (n): hiến pháp, sự tạo thành

Tạm dịch: Khối là một nhóm các quốc gia hoặc các bên có lợi ích chính trị tương tự.

Đáp án:C

Question 10. B

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

in (prep): trong

with (prep): với

of (prep): của

about (prep): về, khoảng

Ta có: someone with ...: một người có...

Tạm dịch: Ở các nước đang phát triển, có rất nhiều trẻ em bị suy giảm nhận thức.

Đáp án:B

Question 11. D**Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

Involve (v): bao gồm; bao hàm

Support (n,v): ủng hộ, sự ủng hộ

Charter (n): hiến chương

Slogan (n): khẩu hiệu

Tạm dịch: Khẩu hiệu là một từ hoặc một nhóm từ thường được sử dụng trong các chiến dịch để thu hút sự chú ý của mọi người.**Đáp án:D****Question 12. C****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

well-informed (a): hiểu biết, thạo thông tin

determined (a): nhất quyết, kiên quyết

self-reliant (a): tự lực, dựa vào sức mình

reliable (a): đáng tin cậy

Tạm dịch: Nếu bạn tự lực, bạn có khả năng tự mình quyết định, thay vì phụ thuộc vào người khác để được giúp đỡ.**Đáp án:C****Question 13. B****Kiến thức:** Từ vựng**Giải thích:**

reliable (a): đáng tin cậy

well-informed (a): hiểu biết, thạo thông tin

decisive (a): quả quyết, dứt khoát

independent (a): độc lập

Tạm dịch: Bạn cần đọc báo và xem tin tức để hiểu biết đầy đủ về các chủ đề hiện tại.**Đáp án:B****Question 14. A****Kiến thức:** Modal verbs**Giải thích:**

can't have done sth: không thể đã làm gì (chỉ khả năng thực hiện)

can't do sth: không thể làm gì

mightn't have done sth: không thể đã làm gì (khả năng xảy ra)

won't do sth: sẽ không làm gì

Tạm dịch: Anh ấy không thể làm những gì bạn đã chỉ trích, đơn giản bởi vì anh ấy ở bên tôi lúc đó.

Đáp án:A

Question 15. D

Kiến thức: Câu điều kiện

Giải thích:

Câu điều kiện loại 0 diễn tả thói quen hoặc sự thật hiển nhiên

Cấu trúc: If + S + V(s,es), S+ V(s,es)/câu mệnh lệnh

Tạm dịch: Dầu nổi nếu bạn đổ nó vào nước.

Đáp án:D

Question 16. B

Kiến thức: Modal verbs

Giải thích:

Khi need là động từ khuyết thiếu, thể phủ định là needn't

don't have to: không phải làm gì

ought not to: cần phải làm gì

must not do: không được làm gì

Tạm dịch: Tôi đã mua thực phẩm hai lần trong tuần này, vì vậy tôi không phải làm điều đó hôm nay.

Đáp án:B

Question 17. B

Kiến thức: Thì trong tiếng Anh

Giải thích:

this time last week (giờ này tuần trước) => thì quá khứ tiếp diễn

Ta dùng thì quá khứ tiếp diễn để diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ

Cấu trúc: S + was/ were + V-ing

Tạm dịch: Chúng tôi đang học tiếng Anh vào thời gian này tuần trước.

Đáp án:B

Question 18. A

Kiến thức: Cấu trúc với "used to", thì trong tiếng Anh

Giải thích:

Cấu trúc với used to: used to + V nguyên thể: đã từng làm gì (hiện tại không làm nữa)

Về sau chỉ hành động trong quá khứ, cho nên ta dùng thì quá khứ đơn

Tạm dịch: Cha tôi thường đưa tôi đến sở thú khi chúng tôi sống trong thành phố.

Đáp án:A

Question 19. B

Kiến thức: Bị động kép

Giải thích:

Khi cụm từ trong mệnh đề sau thuộc quá khứ:

S + be + thought/ said/ supposed... + to + have + P2.

Tạm dịch: Michael được cho là một diễn viên cách đây nhiều năm.

Đáp án:B

Question 20. D

Kiến thức: Modal verbs

Giải thích:

mustn't: không được làm gì

shouldn't: không nên làm gì

Khi need là động từ khuyết thiếu, thể phủ định là needn't

don't have to: không phải làm gì

Tạm dịch: Tôi có thể xem TV và chơi trò chơi trên máy tính vào Chủ nhật vì tôi không phải đi học ngày hôm đó.

Đáp án:D

Question 21. C

Kiến thức: Động từ "need"

Giải thích:

Với "need" là động từ, ta có cấu trúc "to need to do sth": cần làm gì

Với "need" là modal verb, ta có "need + Vinf": cần làm gì

understanding => to understand hoặc understand

Tạm dịch: Khi xung đột xảy ra, chúng tôi ngồi lại và thảo luận. Chúng tôi cần hiểu nhau hơn.

Đáp án:C

Question 22. D

Kiến thức: Mệnh đề chỉ nguyên nhân

Giải thích:

because + mệnh đề

because of + danh từ/cụm danh từ

her old age (tuổi tác của bà) => cụm danh từ

because => because of

Tạm dịch: Bạn bè khuyên bà nên ngừng làm việc nhà vì tuổi tác của bà.

Đáp án:D

Question 23. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Ở đây ta dùng từ "possible" là không phù hợp về nghĩa, ta cần sửa lại thành từ trái nghĩa là "impossible"

possible => impossible

Tạm dịch: Mua lớn khiến chúng tôi không thể đã ngoại

Đáp án:C

Question 24. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Xung đột trong gia đình Nelson là do thực tế là.

- A. Peter đã trốn học ở trường
- B. Peter đang gặp rắc rối ở trường.
- C. họ đã quan tâm quá nhiều đến Lara.
- D. họ không đồng ý về giải pháp cho vấn đề của Peter.

Thông tin: They had different views of how they should deal with Peter's behaviour and this led to rows that upset the whole family.

Đáp án:D

Question 25. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Khi ông bà Nelson áp dụng hình phạt nghiêm khắc cho Peter_____.

- A. Peter ngừng đi chơi với bạn bè
- B. nó không có hiệu lực và làm cho tình hình tồi tệ hơn
- C. cậu nhớ bạn bè và ở ngoài giờ giới nghiêm của mình
- D. gia đình không biết cách đối phó với hành vi của cậu

Thông tin: They decided to prevent Peter from going out with his friends, but this just made him more stubborn and he would continue to miss school and stay outside his curfew.

Đáp án:B

Question 26. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Nhà trường đã áp dụng tất cả những điều sau đây để giúp Peter NGOẠI TRỪ _____.

- A. họ đã giúp gia đình Nelson tự giải quyết vấn đề
- B. họ đồng ý cho phép cậu trở lại trường học
- C. họ đã giúp cậu bắt kịp với việc học của mình
- D. họ đã cố gắng để giao tiếp của cậu với bạn bè tốt hơn.

Thông tin: Mr. and Mrs. felt that they could no longer do this on their own and asked the school to help. The school arranged for Peter to talk to someone he trusted, and they made an agreement for him gradually attending school again. He was also given some time to catch up with the work he had missed.

Đáp án:A

Question 27. C**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Lý do tại sao Peter đã gặp rắc rối là _____.

- A. nó trở nên khó khăn hơn cho cậu để nghỉ học
- B. cậu không thể nói về vấn đề của cậu ở nhà và ở trường
- C. một số bạn bè của cậu đã có tác động tiêu cực đến cậu
- D. cậu muốn chuyển đi với người bạn thân nhất của mình

Thông tin: He admitted that he had felt lonely since his best friend moved away and another group had persuaded him to skip school. As he missed more and more school, it became harder to go back.

Đáp án:C**Question 28. B****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Giải pháp tốt nhất cho vấn đề của Peter là _____.

- A. cậu đi câu cá với cha mình một lần nữa
- B. trường học và gia đình đã giúp đỡ và tin tưởng cậu
- C. cậu có thể làm bài tập về nhà và đi học đúng giờ
- D. cậu mất một thời gian dài để có tình bạn bình thường một lần nữa

Thông tin:

- Mr. and Mrs. felt that they could no longer do this on their own and asked the school to help.
- Peter has had to learn to prove himself trustworthy to his parents , but gradually Mr. and Mrs. Nelson are learning to trust Peter again.

Đáp án:B**Dịch bài đọc:**

Ông bà Nelson có hai con, Lara 10 tuổi và Peter 16 tuổi. Bà Nelson lần đầu tiên phát hiện ra rằng Peter đang gặp rắc rối khi trường gọi điện để nói rằng cậu đã không đến trường ngày hôm đó, hoặc ngày hôm trước. Bà nhận ra ngay rằng cậu đã trốn học.

Hành vi của Peter đã gây ra xung đột trong nhà và ông bà Nelson đều quan tâm. Họ có quan điểm khác nhau về cách họ nên đối phó với hành vi của Peter và điều này dẫn đến những trận cãi lộn khiến cả gia đình khó chịu. Họ quyết định ngăn Peter đi ra ngoài với những người bạn, nhưng điều này khiến cậu trở nên bướng bỉnh hơn và cậu sẽ tiếp tục bỏ học và ở ngoài giờ giới nghiêm của mình.

Trong những tuần tới, cuộc sống gia đình ngày càng trở nên khó khăn hơn. Ông bà Nelson cảm thấy rằng họ không còn có thể làm điều này một mình và yêu cầu nhà trường giúp đỡ. Việc sắp xếp cho Peter nói chuyện với một người mà cậu tin tưởng, và họ đã thỏa thuận để cậu dần dần đi học trở lại. Cậu cũng được dành thời gian để bắt kịp việc cậu đã bỏ lỡ.

Khi cậu bắt đầu nói chuyện, Peter nhận ra rằng cậu đã không vui ở trường trong một thời gian. Cậu thừa nhận rằng cậu cảm thấy cô đơn vì người bạn tốt nhất của cậu đã chuyển đi và một nhóm khác đã thuyết phục cậu bỏ học. Khi cậu bỏ lỡ càng nhiều, nó càng trở nên khó khăn hơn để quay trở lại.

Peter đã được khuyến khích để nói với cha mẹ của mình rằng cậu nhớ người bạn của mình bao nhiêu và rằng cậu dành nhiều thời gian với cha mình chơi bóng đá hoặc câu cá. Ông Nelson nghĩ ông đã trưởng thành từ lâu rồi nhưng rất vui khi dành thời gian với Peter một lần nữa.

Ông bà Nelson cố gắng để ý mỗi ngày khi Peter đạt được mục tiêu đúng giờ và nhớ làm bài tập về nhà. Phải mất một chút thời gian để tình bạn của Peter trở lại bình thường và Peter phải học cách chứng tỏ mình đáng tin cậy với cha mẹ mình, nhưng dần dần ông bà Nelson đang học cách tin tưởng Peter lần nữa.

Question 29. products

Kiến thức: Từ vựng, từ loại

Giải thích:

Vị trí này ta cần một danh từ

Ta có hai danh từ với động từ “produce”:

- production (n): sự sản xuất
- product (n): sản phẩm

Ngoài ra, về nghĩa, ở đây ta dùng danh từ số nhiều

Tạm dịch: Nhà trường cũng cung cấp các sản phẩm sách nói.

Đáp án: products

Question 30. traditional

Kiến thức: Từ vựng, từ loại

Giải thích:

Vị trí này ta cần tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ phía sau

tradition (n): truyền thống

traditional (a): thuộc về truyền thống

Tạm dịch: Ngoài ra, các khóa học massage truyền thống Việt Nam được cung cấp cho người mù trong thành phố.

Đáp án: traditional

Question 31. disadvantaged

Kiến thức: Từ vựng, từ loại

Giải thích:

Vị trí này ta cần tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ phía sau

advantage (n): sự thuận lợi, lợi thế

disadvantaged (a): bị thiệt thòi

Tạm dịch: Những đứa trẻ thiệt thòi này có nhiều vấn đề và họ thực sự cần sự giúp đỡ của chúng ta.

Đáp án: disadvantaged

Question 32. interested**Kiến thức:** Từ vựng, từ loại**Giải thích:**

Vị trí này ta cần tính từ, vì phía trước có to be

interest (n,v): làm cho thích thú/ sự thích thú

Ta có cấu trúc “to be interested in doing sth”: quan tâm, thích làm cái gì

Tạm dịch: Ngày càng có nhiều thanh niên quan tâm đến công việc tình nguyện**Đáp án:** interested**Question 33.** We didn't need to work overtime yesterday because we still had a lot of time for our project.**Kiến thức:** Modal verb**Giải thích:**

To need to do sth: cần phải làm gì

Didn't need to do sth (quá khứ): không cần làm gì

Tạm dịch: Không cần thiết để chúng tôi làm thêm giờ ngày hôm qua vì chúng tôi vẫn còn rất nhiều thời gian cho dự án của chúng tôi.

=> Chúng tôi không cần làm thêm giờ ngày hôm qua vì chúng tôi vẫn còn nhiều thời gian cho dự án của chúng tôi.

Đáp án: We didn't need to work overtime yesterday because we still had a lot of time for our project.**Question 34.** We needn't have brought food because there were lots of foodstalls there.**Kiến thức:** Modal verb**Giải thích:** needn't have done sth: đáng lẽ không cần làm gì (nhưng thực tế đã làm)**Tạm dịch:** Mang thức ăn không cần thiết vì chúng tôi không biết có rất nhiều quán ăn ở đó.

=> Chúng ta đáng lẽ không cần phải mang thức ăn vì có rất nhiều quán ăn ở đó.

Đáp án: We needn't have brought food because there were lots of foodstalls there.**Question 35.** It's unreasonable to expect that everybody will understand you.**Kiến thức:** Cấu trúc It + be + adj**Giải thích:** Ta có cấu trúc It + be + adj (for sb) + to do sth: Nó... (cho ai) để làm gì**Tạm dịch:** Đừng mong rằng mọi người sẽ hiểu bạn. Nó không hợp lý.

=> Không hợp lý khi mong rằng mọi người sẽ hiểu bạn.

Đáp án: It's unreasonable to expect that everybody will understand you.**Question 36. B****Tạm dịch:** Cô ấy học lớp nào?

A. lớp 5 B. lớp 6

Đáp án:B**Question 37. B****Tạm dịch:** Cô ấy KHÔNG đề cập đến môn gì?

A. Lịch sử B. Tin học

Đáp án: B

Question 38. B

Tạm dịch: Khi nào cô ấy bắt đầu học?

A. Trước 9h B. Sau 9h

Đáp án: B

Question 39. B

Tạm dịch: Cô ấy thường làm gì cho bữa trưa?

A. mua bữa trưa B. mang bữa trưa

Đáp án: B

Question 40. A

Tạm dịch: Bữa tối nướng là gì?

A. thịt và rau B. pizza và khoai tây chiên

Đáp án: A

Transcript:

Dai: So Miss Naomi from...where is it you are from?

Naomi: Wales.

Dai: Wales, OK, and how old are you now?

Naomi: I'm eleven.

Dai: Eleven. OK, so that means you are in...what would that be, junior school? secondary school?

Naomi: Junior school.

Dai: Junior school. OK. And so what grade is that in junior school.

Naomi: Six.

Dai: Oh, grade six, OK. So tell me about your school. What kind of subjects do you study in junior school.

Naomi: We study Art and Maths and Science and English and Geography and History and RE.

Dai: RE? What's RE?

Naomi: Religious education.

Dai: Oh, OK. And you go to school from what time in the morning?

Naomi: About quarter to nine and it starts at five past nine.

Dai: The first class is at five past nine.

Naomi: Yeah.

Dai: And then do you get a break?

Naomi: We get a break at half past ten and then lunch at twelve o'clock.

Dai: Oh twelve o'clock, for how long?

Naomi: For an hour.

Dai: Oh an hour? Oh nice! And then what do you do for lunch in Wales? Do they have like a cafeteria where they cook for you?

Naomi: Yeah, they have that and you can bring sandwiches.

Dai: You can bring your own sandwiches instead?

Naomi: Yeah.

Dai: OK. What do you do?

Naomi: I normally bring sandwiches.

Dai: OK. Is that because the dinner's are no good, or...?

Naomi: They're OK but I don't really like them as much as sandwiches.

Dai: And what kind of food do they serve up in the canteen?

Naomi: They serve roast dinners and...

Dai: Roast dinners? What's a roast dinner?

Naomi: It's like a meat and vegetables.

Dai: OK. It sounds very simple.

Naomi: Yeah, and pizza and chips and ham and all sorts of stuff.

Dai: Oh OK, it sounds good. And do they give you lots of homework?

Naomi: No.

Dai: Oh really?

Naomi: No.

Dai: Oh that's good to hear. So what's your favorite subject then in junior school?

Naomi: Art.

Dai: OK, why is that?

Naomi: I don't know, I just like painting and drawing.

Dai: And then, what's the subject that you find most boring?

Naomi: Maths.

Dai: Maths? Oh really? Yeah, I'm not a big fan of Maths. So I guess if you're in grade six you'll be going on to your next school soon?

Naomi: Yeah, secondary school.

Dai: OK, and are you looking forward to that?

Naomi: Yeah.

Dai: OK, it was very nice talking to you and good luck in your next school.

Dịch bài nghe:

Đai: Vậy, Naomi từ... cậu đến từ đâu?

Naomi: Xứ Wales.

Đai: Xứ Wales, OK, cậu bao nhiêu tuổi rồi?

Naomi: Tôi mười một tuổi.

Đại: Mười một. OK, vậy có nghĩa là cậu đang học ... tiểu học? Trung học cơ sở?

Naomi: Trường tiểu học.

Đại: Trường tiểu học. OK. Và lớp mấy trong trường tiểu học vậy?

Naomi: Sáu.

Đại: Ô, lớp sáu, OK. Vậy, cho tôi biết về trường học của cậu. Cậu học môn gì ở trường ?

Naomi: Chúng tôi học Mỹ thuật, Toán, Khoa học, Tiếng Anh, Địa lý, Lịch sử và RE.

Đại: RE? RE là gì?

Naomi: Giáo dục tôn giáo.

Đại: Ô, được rồi. Và cậu đi học mấy giờ vào buổi sáng?

Naomi: Khoảng 8:45 và bắt đầu học lúc 9:05.

Đại: Tiết đầu tiên là 9:05.

Naomi: Phải.

Đại: Và sau đó cậu có giải lao không?

Naomi: Chúng tôi nghỉ lao lúc mười rưỡi và sau đó ăn trưa lúc mười hai giờ.

Đại: Oh mười hai giờ, trong bao lâu?

Naomi: Trong một giờ.

Đại: Oh một giờ? Tuyệt! Và ăn gì ở Xứ Wales? Họ có một quán ăn tự phục vụ nơi họ nấu ăn cho cậu không?

Naomi: Ừ, họ có cái đó và cậu có thể mang sandwich.

Đại: Cậu có thể mang bánh mì của riêng mình?

Naomi: Phải.

Đại: OK. Bạn thường đem gì?

Naomi: Tôi thường mang sandwich.

Đại: OK. Có phải vì bữa tối không ngon, hay ...?

Naomi: Chúng ổn nhưng tôi không thích chúng như sandwich.

Đại: Và họ phục vụ trong căng tin loại thức ăn nào?

Naomi: Họ phục vụ bữa tối nướng và ...

Đại: Bữa tối nướng? Bữa tối nướng là gì?

Naomi: Nó giống như thịt và rau.

Đại: OK. Nghe có vẻ rất đơn giản.

Naomi: Yeah, pizza và khoai tây chiên và giăm bông và đủ thứ.

Đại: Oh OK, nghe có vẻ hay đấy. Và họ có cho cậu nhiều bài tập về nhà không?

Naomi: Không.

Đại: Oh thật sao?

Naomi: Không.

Đại: Ô, thật tuyệt khi nghe điều đó. Vậy môn yêu thích ở trường của cậu là gì?

Naomi: Mỹ thuật.

Đại: OK, tại sao vậy?

Naomi: Tôi không biết, tôi chỉ là thích sơn và vẽ.

Đại: Và sau đó, môn nào bạn thấy chán nhất?

Naomi: Toán.

Đại: Toán? Oh thật sao? Ừm, tôi không phải là một fan của Toán. Tôi đoán nếu cậu đang học lớp sáu cậu sẽ sớm đến trường tiếp theo?

Naomi: Vâng, trường trung học.

Đại: OK, và cậu có mong chờ điều đó không?

Naomi: Có.

Đại: OK, rất vui khi nói chuyện với cậu và chúc may mắn ở trường tiếp theo.